

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày 27-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Đức Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

PTH, sinh ngày 18 tháng 8 năm 1962 tại Hải Phòng. Nơi ĐKKHKT: Tổ 1, cụm 2, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Số 36B, đường C, phường 2, quận D, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông E (đã chết) và bà F; có chồng là G; có 4 con, tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 01/10/2018; có mặt

- Bị hại: Anh PDD, sinh năm 1954; trú tại: Số 450 đường H, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà I; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1994, 1995, G sinh năm 1956, vợ là PTH sinh năm 1962, trú tại A, B, Hải Phòng, có vay tiền của một số đơn vị, cá nhân để lấy vốn kinh doanh, cụ thể:

1. G vay của Ngân hàng J - Chi nhánh B số tiền là 100.000.000 đồng, đã trả được 60.000.000đồng, còn 40.000.000đ; vay của ông PDD, sinh năm 1954, trú tại: Số 450, H, phường A, quận B, Hải Phòng, số tiền 60.000.000 đồng; vay của bà I, sinh năm 1960, trú tại: Số 3 Tổ K, phường A, B, Hải Phòng, số tiền 77.800.000 đồng; vay của ông L, sinh năm 1952, trú tại: Tổ Hạnh phúc 1, phường A, B, Hải Phòng) số tiền 50.000.000 đồng.

2. PTH vay của ông PDD 50.000.000 đồng (lần 1: ngày 14/5/1995 vay 25.000.000đ; lần 2: ngày 03/6/1995 vay 25.000.000đ; đã trả 3.000.000đ, ngày 13/7/1995); vay của bà I 2 lần, số tiền 102.000.000 đồng.

Sau khi vay được tiền PTH đưa cho chồng là G để kinh doanh, quá trình kinh doanh bị thua lỗ không có khả năng trả lại số tiền vay nên G và PTH đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Năm 1999, bà I đã tìm gặp vợ chồng G, PTH tại huyện N, tỉnh Đồng Nai đòi tiền, bị can PTH đã trả cho bà I 8.000.000 đồng và ký giấy chuyển nhượng 02 lô đất đứng tên bố đẻ là O tại A, B cho bà I để trừ khoản nợ số tiền vay của Ngân hàng và bà I.

Ngày 10/5/2018, do bệnh nặng nên G đã chết tại nhà em trai P, sinh năm 1962, trú tại cụm 2, phường A, B, Hải Phòng. P mang sổ hộ khẩu ghi G, sinh năm 1954 đến UBND phường A làm thủ tục khai tử, UBND phường A đã cấp giấy chứng tử cho G, sinh năm 1954, trú tại: Cụm 2, A, B, Hải Phòng. Ngày 30/9/2018, PTH đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, bị can PTH đã khai nhận việc vay tiền như nêu trên và khai khi bỏ đi khỏi địa phương khoảng tháng 01/1996, PTH không thông báo hay xin tạm vắng với chính quyền địa phương, không thông báo cho các bị hại. Từ khi bỏ đi khỏi địa phương đến ngày ra đầu thú, PTH chưa trả cho ông PDD số tiền nào và cũng không đến gặp ông PDD lần nào để khát nợ. Khi ở tại Đồng Nai từ năm 1996 đến năm 2014 và ở tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2014 đến tháng 9/2018, chính quyền địa phương có biết PTH cư trú tại địa phương nhưng không yêu cầu PTH làm thủ tục đăng ký tạm trú nên PTH không thực hiện. Sau khi đầu thú, bị can PTH đã trả hết số tiền 110.000.000 đồng đã vay của ông PDD (bao gồm cả số tiền 60.000.000 đồng G vay của ông PDD). Hiện tại PTH vẫn đang thuê nhà số 36B, C, phường 2, quận D, thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Do khó khăn nên chưa có điều kiện trả số tiền 50.000.000đ mà bị can G đứng tên vay của ông L, bị can PTH cam kết sẽ tiếp tục thanh toán trong thời gian tới.

Ông PDD khai: Năm 1994, 1995 có cho vợ chồng G – PTH vay 110.000.000 đồng, có thỏa thuận về lãi suất nhưng đã lâu ngày nên không nhớ chính xác, vợ

chồng PTH đã trả được 3.000.000 đồng ngày 13/7/1995, sau đó PTH, G bỏ trốn khỏi địa phương đến tháng 9/2018, không thông báo hay trả nợ cho ông số tiền nào. Tháng 10/2018, PTH đã thành toán xong số tiền còn nợ và ông PDD xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị can PTH.

Bà I khai: Năm 1995, vợ chồng PTH, G vay của bà 179.800.000 đồng, khi vay có thỏa thuận về lãi suất nhưng do lâu ngày nên không nhớ. Do kinh doanh thua lỗ nên vợ chồng PTH đã bỏ trốn khỏi địa phương. Năm 1999, bà I được bố mẹ chồng bị can PTH cho địa chỉ nơi sinh sống của bị can PTH nên đã tìm đến chỗ ở của vợ chồng PTH ở Đồng Nai yêu cầu trả nợ, vợ chồng PTH trả 8.000.000 đồng và ký giấy gán 02 lô đất ở A, B để bà I xóa nợ và trả nợ thay số tiền còn nợ Ngân hàng J – Chi nhánh B. Hiện nay PTH không còn nợ gì bà I nữa.

Trong vụ án này có bị can G, quyết định khởi tố bị can ghi năm sinh 1956. Sổ hộ khẩu và Giấy chứng tử do do UBND phường A, quận B ghi G sinh năm 1954, chết ngày 18/05/2018. Do không còn tài liệu nào khác nên chưa có cơ sở vững chắc xác định bị can G, sinh năm 1956 và G, sinh năm 1954 là một người để đình chỉ vụ án đối với bị can nên Cơ quan điều tra tách vụ án, tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Tại Bản Cáo trạng số 32/CT-VKS-P3 ngày 27 tháng 02 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo PTH về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, sau khi kết thúc việc xét hỏi, tại phần trình bày luận tội Kiểm sát viên đã rút truy tố PTH đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 102.000.000đ của bà I. Vì tại thời điểm đó bị cáo PTH không có ý thức chiếm đoạt nên khi gặp gia đình bà I, hai bên đã bàn cách giải quyết thanh toán xong số tiền nợ ngay từ năm 1999. Việc rút truy tố số tiền buộc tội đối với bị cáo từ 149.000.000 đồng xuống 47.000.000 đồng là phù hợp. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 và so sánh Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985 và Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 thấy hành vi nêu trên của bị cáo PTH vi phạm điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 và đề nghị:

- Căn cứ điểm a khoản 1 điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo PTH từ 24 tháng đến 30 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo PTH đã bồi thường xong cho ông PDD nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, ông L trình bày ông cho G vay, không liên quan đến PTH, hiện nay G đã chết, L sẽ tự thỏa thuận với gia đình bị cáo PTH. Tại phiên tòa, bị

cáo không có ý kiến gì tranh luận với Kiểm sát viên và có lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh điều kiện của bị cáo cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa bị cáo PTH khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với những tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định: Năm 1995 do cần tiền để kinh doanh bị cáo PTH đã có hành vi vay của 2 người với tổng số tiền 149.000.000đ (trong đó bà I 102.000.000đ, ông PDD 47.000.000đ), sau đó bỏ trốn. Tuy nhiên sau khi bỏ trốn, bị cáo đã nhắn bố chồng để khát nợ bị hại là bà I, cho địa chỉ bị cáo ở Đồng Nai. Năm 1999, chồng bà I đến Đồng Nai gặp bị cáo đòi nợ, bị cáo trả 8.000.000 đồng và ký giấy ủy quyền bán đất để trả nợ cho bị hại I số tiền 102.000.000đ. Như vậy chưa xác định được ý thức chiếm đoạt của bị cáo đối với khoản vay của bà I. Bị cáo đã trả nợ bà I xong từ năm 1999 nên hành vi này chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát đã rút truy tố với khoản tiền này là phù hợp. Đối với số tiền 47.000.000đ vay của ông PDD, bị cáo PTH bỏ trốn không thông báo cho chính quyền địa phương, không thông báo cho bị hại, sau bỏ trốn không trả, không khát nợ nên vẫn đủ căn cứ để xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, còn làm mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm để giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Do cần tiền để kinh doanh, bị cáo vay của ông PDD số tiền 47.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo PTH bỏ trốn không thông báo cho chính quyền địa phương, không thông báo cho bị hại, không trả, không khát nợ. Đối với khoản nợ của bà I, bị cáo đã trả nợ cho bà I xong từ năm 1999 nên không đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản căn cứ Điều 319 và Điều 321 Bộ luật Tố tụng hình sự, Viện kiểm sát rút một phần số tiền chiếm đoạt buộc tội đối với bị cáo PTH từ 149.000.000 đồng xuống 47.000.000 đồng là có căn cứ. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 và so sánh Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985 và Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 thấy: Hành vi nêu trên của bị cáo PTH vi phạm điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về hình phạt:

[5] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội ra đầu thú, bị cáo đã tự nguyện trả cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có mẹ đẻ tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng nhì, có bác ruột là Liệt sỹ nên bị cáo được áp dụng điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo mà áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Vì bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định nên cần miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

[6] Bị cáo có vay của bị hại là ông PDD số tiền 47.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy: Trước khi xét xử bị cáo đã bồi thường cho ông PDD số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s, i khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo PTH: 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo PTH cho Ủy ban nhân dân phường 2, quận D, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo PTH. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- Vụ GDKT1 TANDTC;
- VKSND cấp cao;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV 27 Công an thành phố;
- Cục thi hành án Dân sự TPHP;
- Phòng KTNV & THA;
- Sở tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Phương